

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAI GON PHARMACEUTICAL MTV IN HANOI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAI GON PHARMACEUTICAL MTV IN HANOI CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110300704

3. Ngày thành lập: 28/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 179 phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0796271603

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
3.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng - Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế - Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4649(Chính)
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha	4661
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663

10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn tinh dầu, dầu thơm, hương liệu - Bán buôn sản phẩm nông hóa	4669
11.	Trồng lúa	0111
12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
13.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
14.	Trồng cây mía	0114
15.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
16.	Trồng cây lấy sợi	0116
17.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
18.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
19.	Trồng cây hàng năm khác	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
22.	Trồng cây điều	0123
23.	Trồng cây hồ tiêu	0124
24.	Trồng cây cao su	0125
25.	Trồng cây cà phê	0126
26.	Trồng cây chè	0127
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
28.	Trồng cây lâu năm khác	0129
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
32.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
33.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
34.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
35.	Chăn nuôi gia cầm	0146
36.	Chăn nuôi khác	0149
37.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
38.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
39.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
40.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
41.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
42.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
43.	Khai thác thủy sản biển	0311

44.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
45.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
46.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
52.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
53.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
54.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
55.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
56.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
57.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
58.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
59.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
60.	Sản xuất đường	1072
61.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
62.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
63.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
64.	Sản xuất chè	1076
65.	Sản xuất cà phê	1077
66.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
67.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
69.	Sản xuất than cốc	1910
70.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ (trừ hoạt động đốt than thủ công trong rừng)	1920
71.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
72.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: - Sản xuất phân bón hữu cơ, - Sản xuất phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali, - Sản xuất phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên.	2012

73.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: - Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ; - Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây; - Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác); - Sản xuất các sản phẩm hoá nông khác chưa phân vào đâu.	2021
74.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm	2029
75.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y	2100
76.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
77.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan	4759
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc; - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
79.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ phân bón; - Bán lẻ than, củi	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

